UBND XÃ BÌNH GIANG
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Giang, ngày 10 tháng 10 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TỪ THÁNG 7 ĐẾN THÁNG 10 NĂM 2026

STT hộ	Họ và tên các thành viên hộ	Địa chỉ	Ngày/ tháng/ năm sinh	Số tiền được hỗ trợ 1 tháng	Số tiền được hỗ trợ 4 tháng	Ghi chú
1	Cù Văn Nháng	Thôn Bì Đỏ	9/11/1957	64.300	257.200	
2	Nguyễn Văn Đình	Thôn Bì Đỏ	07/10/1954	64.300	257.200	
3	Nguyễn Thị Vang	Thôn Bì Đỏ	01/01/1954	64.300	257.200	
4	Vũ Thị Đông	Thôn Hạ Bì	16/8/1954	64.300	257.200	
5	Nguyễn Thị Luyến	Thôn Hạ Bì	1/1/1934	64.300	257.200	
6	Đỗ Thị Mì	Thôn Hạ Bì	01/01/1933	64.300	257.200	
7	Nguyễn Văn Chè	Thôn Hạ Bì	1/1/1936	64.300	257.200	
8	Vũ Thị Nhi	Thôn Ô Xuyên	25/08/1938	64.300	257.200	
9	Vũ Văn Ninh	Thôn Ô Xuyên	6/9/1990	64.300	257.200	
10	Nguyễn Thị Xen	Thôn Lý Đỏ	08/8/1987	64.300	257.200	
11	Trần Thị Chúc	Thôn Lý Đỏ	01/01/1955	64.300	257.200	
12	Vũ Thị Vững	Thôn Tân Hưng	01/01/1957	64.300	257.200	
13	Đào Thị Sổ	Thôn Tân Hưng	01/01/1931	64.300	257.200	
14	Vũ Xuân Ca	Thôn Tân Hưng	08/8/1970	64.300	257.200	
15	Đặng Thị Mến	Thôn Bằng Giã	1981	64.300	257.200	
16	Phạm Thị Phượng	Thôn Bằng Giã	1971	64.300	257.200	
17	Đặng Thị Hào	Thôn Bằng Giã	1988	64.300	257.200	
18	Chu Thị Xòe	Thôn Bình An	01/011958	64.300	257.200	
19	Vũ Thị Mùi	Thôn Bình An	13/7/1959	64.300	257.200	
20	Nguyễn Thị Quỳ	Thôn Cậy	08/04/1950	64.300	257.200	
21	Phạm Thị Nhâm	Thôn Cậy	15/10/1936	64.300	257.200	
22	Trần Thị Tâm	Thôn Cậy	18/09/1948	64.300	257.200	
23	Vũ Thị Quý	Thôn Cậy	06/06/1951	64.300	257.200	
24	Vũ Thị Nhung	Thôn Cậy	01/01/1966	64.300	257.200	
25	Nguyễn Văn Long	Thôn Cậy	01/01/1958	64.300	257.200	
26	Vũ Thị Lan	Thôn Cậy	17/07/1962	64.300	257.200	
27	Phạm Thị Cống	Thôn Cậy	01/01/1959	64.300	257.200	
28	Phạm Thị Ngoan	Thôn Cậy	10/10/1956	64.300	257.200	
29	Lê Thị Hương	Thôn Bá Thủy	20/02/1955	64.300	257.200	
30	Lê Thị Sáu	Thôn Bá Thủy	08/08/1934	64.300	257.200	
31	Trần Văn Đô	Thôn Bá Thủy	25/08/1966	64.300	257.200	

32	Mai Thị Nơ	Thôn Bá Thủy	15/12/1959	64.300	257.200	
33	Vũ Thị Dậu	Thôn Bá Hợp	14/12/1958	64.300	257.200	
34	Hà Thị Thoan	Thôn Bá Hợp	01/01/1956	64.300	257.200	
35	Nguyễn Thị Ngát	Thôn Bá Hợp	01/05/1965	64.300	257.200	
36	Vũ Thị Hạt	Thôn Bá Hợp	01/01/1957	64.300	257.200	
37	Trần Thị Vấn	Thôn Phú Đa	01/01/1936	64.300	257.200	
38	Lưu Thị Lý	Thôn Phú Đa	12/9/1963	64.300	257.200	
39	Trần Văn Thay	Thôn Phú Đa	12/7/1957	64.300	257.200	
40	Trần Thị Thoa	Thôn Phú Đa	10/10/1956	64.300	257.200	
41	Đào Văn Chỉnh	Thôn Lôi Trì	10/9/1960	64.300	257.200	
42	Nguyễn Văn Sửu	Thôn Lôi Khê	01/02/1956	64.300	257.200	
43	Nguyễn Thị Gái	Thôn Lôi Khê	18/5/1932	64.300	257.200	
44	Đặng Thị Đương	Thôn An Dật	25/7/1982	64.300	257.200	
45	Phạm Văn Thuấn	Thôn An Dật	27/10/1990	64.300	257.200	
46	Vũ Thị Nhỡ	Thôn Phú Bùi	01/01/1947	64.300	257.200	
47	Nguyễn Thị Vượng	Thôn Phú Bùi	01/01/1959	64.300	257.200	
Tổng					**12.088.400**	

Bằng chữ: Mười hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm đồng